

UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH
SỞ Y TẾ

Số: 2659/SYT-TCCB

V/v báo cáo kết quả triển khai
thực hiện Kế hoạch số 26-KH/TU
và Kế hoạch số 35-KH/TU
của Tỉnh ủy

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Định, ngày 06 tháng 11 năm 2018

Kính gửi: Các đơn vị trực thuộc

Theo công văn số 1511/SNV-TCCB ngày 01/11/2018 của Sở Nội vụ về việc báo cáo kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch số 26-KH/TU và Kế hoạch số 35-KH/TU của Tỉnh ủy;

Sở Y tế yêu cầu các đơn vị trực thuộc báo cáo số liệu kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch số 26-KH/TU và Kế hoạch số 35-KH/TU của Tỉnh ủy tại đơn vị (theo mẫu gửi kèm Công văn này).

Báo cáo của đơn vị gửi về Sở Y tế *trước ngày 08/11/2018* và gửi kèm theo file mềm về địa chỉ Email: kimanhst@gmail.com.

Yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện nội dung Công văn này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Trang TTĐT Sở Y tế;
- Lưu: VT, TCCB.



Nguyễn Văn Trung

TÊN ĐƠN VỊ



PHỤ LỤC Ib

**BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC, HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 68/2000/NĐ-CP (HỢP ĐỒNG 68),
HỢP ĐỒNG LÀM CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ VÀ DỰ KIẾN SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI Ở ĐƠN VỊ**

STT	Tên gọi tổ chức	Số giao năm 2017			Có mặt 31/12/2017				Số giao 2018			Có mặt tại thời điểm 30/10/2018						Dự kiến sắp xếp, tổ chức lại					
		Tổng số	Trong đó			Trong đó				Trong đó			Trong đó										
			Biên chế công chức	Hợp đồng 68		Công chức	Hợp đồng 68	HHĐ làm chuyên môn, nghiệp vụ		Cấp trưởng	Số cấp phó		Công chức	Hợp đồng 68	HHĐ làm chuyên môn, nghiệp vụ								
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(18)	(19)	(20)	(17)	(21)	(22)
	Tổng cộng																						
8	Chi cục Dân số - KHHGD	15	15	0	16	16	0	0															
8.1	Lãnh đạo Chi cục	2	2		2	2																	
8.2	Phòng KHTCHCTV	6	6		7	7																	
8.3	Phòng Dân số KHHGD	4	4		4	4																	
8.4	Phòng Truyền thông - GD	3	3		3	3																	
9	Chi cục An toàn VSTP	18	18	0	16	13	0	3															
9.1	Lãnh đạo Chi cục	2	2		2	2																	
9.2	Phòng Nghiệp vụ	7	7		7	6		1															
9.3	Thanh tra Chi cục	4	4		4	3		1															
9.4	Phòng HC-TH	5	5		3	2		1															

Ghi chú:

- Từ cột 1 đến cột 16 ghi số người. Từ cột 17 đến cột 19 đánh dấu (x), đồng thời làm rõ thời gian trong báo cáo về việc dự kiến hợp nhất, sáp nhập, giải thể các tổ chức này.
- Từ cột 8 đến cột 16: số liệu của năm báo cáo; từ cột 1 đến cột 7: số liệu của năm trước liền kề (ví dụ từ cột 7 đến cột 16: năm 2018 thì từ cột 1 đến cột 6: năm 2017)/.

TÊN ĐƠN VỊ



PHỤ LỤC IIb

SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC (BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP), HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 68/2000/NĐ-CP (HỢP ĐỒNG 68),
HỢP ĐỒNG LÀM CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ VÀ DỰ KIẾN SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI Ở ĐƠN VỊ

STT	Tên đơn vị sự nghiệp	Số giao năm 2017			Được giao 2018			Có mặt đến thời điểm 30/10/2018					Mức độ tự chủ về tài chính năm 2017	Dự kiến sắp xếp, tổ chức lại								Số lượng đơn vị trước khi sắp xếp	Số lượng đơn vị sau khi sắp xếp	Biên chế tăng/giảm sau khi sắp xếp				
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó					Giữ nguyên	Sáp nhập, hợp nhất (thời gian)	Giải thể (thời gian)	Chuyển sang tự chủ chi ĐT, chi TX (thời gian)	Chuyển sang tự chủ chi TX (thời gian)	Chuyển sang tự chủ 1 phần chi TX (thời gian)	Do Ngân sách nhà nước bảo đảm								
			Biên chế sự nghiệp	Hợp đồng 68		Công chức, viên chức	Hợp đồng 68		HD làm chuyên môn, nghiệp vụ	Biên chế sự nghiệp	Hợp đồng 68	Cấp trưởng									Số cấp phó				Viên chức	Hợp đồng 68	HD làm chuyên môn, nghiệp vụ	
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)			
	Tổng cộng																											
1.	Bệnh viện																											
	Bệnh viện Đa khoa tỉnh																											
	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Phú Phong																											
	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Bồng Sơn																											
	Bệnh viện Mắt																											
	Bệnh viện Y học cổ truyền																											
	Bệnh viện Phục hồi chức năng																											
	Bệnh viện Tâm thần																											
	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi																											
2	Trung tâm không có giường bệnh																											
	Trung tâm Giám định y khoa																											
	Trung tâm Pháp y																											
	Trung tâm Kiểm nghiệm dược phẩm M																											
	Trung tâm Y tế dự phòng																											
	Trung tâm Phòng chống sốt rét và CBN																											
	Trung tâm Phòng chống HIV/AIDS																											
	Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản																											
	Trung tâm Truyền thông - GD sức khỏe																											
	Trung tâm Da liễu																											
3	Trung tâm Y tế Hoài Ân:																											
	- Bệnh viện																											
	- Hệ dự phòng																											
	- Tuyến xã (15 trạm y tế xã):																											
4	Trung tâm Y tế Hoài Nhơn:																											

STT	Tên đơn vị sự nghiệp	Số giao năm 2017			Có mặt 31/12/2017			Được giao 2018			Có mặt đến thời điểm 30/10/2018						Mức độ tự chủ về tài chính năm 2017	Dự kiến sắp xếp, tổ chức lại								Số lượng đơn vị trước khi sắp xếp	Số lượng đơn vị sau khi sắp xếp	Biên chế tăng/giảm sau khi sắp xếp
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó				Giữ nguyên		Sáp nhập, hợp nhất (thời gian)	Giải thể (thời gian)	Chuyển sang tự chủ chi ĐT, chi TX (thời gian)	Chuyển sang tự chủ chi TX (thời gian)	Chuyển sang tự chủ 1 phần chi TX (thời gian)	Do Ngân sách nhà nước bảo đảm					
			Biên chế sự nghiệp	Hợp đồng 68		Công chức, viên chức	Hợp đồng 68		HD làm chuyên môn, nghiệp vụ	Biên chế sự nghiệp		Hợp đồng 68	Cấp trưởng	Số cấp phó	Viên chức									Hợp đồng 68	HD làm chuyên môn, nghiệp vụ			
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)			
	- Bệnh viện																											
	- Hệ dự phòng																											
	- Tuyển xã (17 trạm y tế xã):																											
5	Trung tâm Y tế Phù Mỹ:																											
	- Bệnh viện																											
	- Hệ dự phòng																											
	- Tuyển xã (19 trạm y tế xã):																											
6	Trung tâm Y tế Phù Cát:																											
	- Bệnh viện																											
	- Hệ dự phòng																											
	- Tuyển xã (18 trạm y tế xã):																											
7	Trung tâm Y tế An Nhơn																											
	- Bệnh viện																											
	- Hệ dự phòng																											
	- Tuyển xã (15 trạm y tế xã):																											
8	Trung tâm Y tế Tây Sơn																											
	- Hệ dự phòng																											
	- Tuyển xã (15 trạm y tế xã):																											
9	Trung tâm Y tế Tuy Phước																											
	- Bệnh viện																											
	- Hệ dự phòng																											
	- Tuyển xã (13 trạm y tế xã):																											
10	Trung tâm Y tế Quy Nhơn																											
	- Bệnh viện																											
	- Hệ dự phòng																											
	- Tuyển xã (21 trạm y tế xã):																											
11	Trung tâm Y tế An Lão - (bệnh viện)																											
	Trung tâm Y tế An Lão																											
	- Hệ dự phòng																											

STT	Tên đơn vị sự nghiệp	Số giao năm 2017			Có mặt 31/12/2017			Được giao 2018			Có mặt đến thời điểm 30/10/2018						Mức độ tự chủ về tài chính năm 2017	Dự kiến sắp xếp, tổ chức lại								Số lượng đơn vị trước khi sắp xếp	Số lượng đơn vị sau khi sắp xếp	Biên chế tăng/giảm sau khi sắp xếp
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó						Giữ nguyên	Sáp nhập, hợp nhất (thời gian)	Giải thể (thời gian)	Chuyển sang tự chủ chi DT, chi TX (thời gian)	Chuyển sang tự chủ chi TX (thời gian)	Chuyển sang tự chủ 1 phần chi TX (thời gian)	Do Ngân sách nhà nước bảo đảm				
			Biên chế sự nghiệp	Hợp đồng 68		Công chức, viên chức	Hợp đồng 68		HD làm chuyên môn, nghiệp vụ	Biên chế sự nghiệp		Hợp đồng 68	Cấp trưởng	Số cấp phó	Viên chức	Hợp đồng 68									HD làm chuyên môn, nghiệp vụ			
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)			
	- Tuyển xã (10 trạm y tế xã):																											
12	Trung tâm Y tế Văn Canh:																											
	- Bệnh viện																											
	- Hệ dự phòng																											
	- Tuyển xã (7 trạm y tế xã):																											
13	Trung tâm Y tế Vĩnh Thạnh																											
	- Bệnh viện																											
	- Hệ dự phòng																											
	- Tuyển xã (9 trạm y tế xã):																											
14	Các Trung tâm dân số huyện																											
	Trung tâm Dân số - KHHGD Quy Nhơn																											
	Trung tâm Dân số - KHHGD Tuy Phước																											
	Trung tâm Dân số - KHHGD Văn Canh																											
	Trung tâm Dân số - KHHGD Tây Sơn																											
	Trung tâm Dân số - KHHGD Vĩnh Thạnh																											
	Trung tâm Dân số - KHHGD An Nhơn																											
	Trung tâm Dân số - KHHGD Phù Cát																											
	Trung tâm Dân số - KHHGD Phù Mỹ																											
	Trung tâm Dân số - KHHGD Hoài Ân																											
	Trung tâm Dân số - KHHGD H.Nhơn																											
	Trung tâm Dân số - KHHGD An Lão																											

Như